



CỤC THỐNG KÊ TỈNH BẮC NINH

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI

THÁNG 10 NĂM 2024

NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

**SẢN XUẤT
NÔNG NGHIỆP**

VỤ MÙA

(Tính đến ngày
22/10/2024)

Diện tích gieo cấy lúa

28.407,2 ha

▼ **1,9%**

23.405,8

ha

▼ **8,3%**

51,5

Tạ/ha

▼ **15,6%**

120.540

ha

▼ **22,6%**

Diện tích lúa
đã thu hoạch

Ước tính
năng suất

Ước tính
sản lượng

Số lượng gia súc, gia cầm
(Thời điểm 31/10/2024)

▲ **15,7%**

▼ **16,2%**

▲ **0,2%**

▲ **0,8%**

Sản lượng
thịt hơi gia súc,
gia cầm

69.080

tấn

▲ **1,6%**



Trâu

4.050

Con



Bò

17.600

Con



Lợn

296.000

Con



Gia cầm

5.950

Nghìn con

Sản lượng thủy sản

32.701 tấn

31.698 tấn

▼ **1,7%**

▼ **1,8%**

1.003 tấn

▼ **2,5%**



Nuôi trồng



Khai thác

Sản lượng gỗ khai thác

2.782,1



▲ **1,5%**

Sản lượng củi khai thác

2.920,2



▼ **0,9%**

SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP



CHỈ SỐ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP (10 tháng so với cùng kỳ)

▲ 5,28%



TOÀN NGÀNH CÔNG NGHIỆP

▲ 5,20%

Chế biến chế tạo

▲ 11,66%

Sản xuất và phân phối điện

▲ 24,66%

Cung cấp nước, xử lý rác thải, nước thải

SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU (10 tháng so với cùng kỳ)

Điện thoại thông minh



▲ 3,5 %

29,1 Triệu cái

Máy in



▲ 23,7 %

7,8 Triệu cái

Bình đun nước nóng



▼ 5,7 %

845 Nghìn cái

Quần áo các loại



▲ 17,8 %

48,7 Triệu cái

Đồng hồ thông minh



▲ 0,6 %

21,3 Triệu cái

Linh kiện điện tử



▲ 4,0 %

403,1 Nghìn tỷ đồng

Pin điện thoại



▲ 4,9 %

83,9 Triệu viên

Kính các loại



▼ 5,3 %

128,1 Nghìn tấn

Giấy các loại



▲ 0,1%

484,5 Nghìn tấn

VỐN ĐẦU TƯ VÀ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

Vốn Ngân sách Nhà nước

10 tháng năm 2024 so với CK năm trước

ĐVT: Tỷ đồng

Cấp tỉnh

2.600,7
▲ 1,5%



TỔNG VỐN FDI
VÀO BẮC NINH

4.287,7
Triệu USD ▲ 228,5%

▲ 75,2%



1.591,2
Triệu USD

Vốn đăng ký mới

▲ 478,2%



2.725,6
Triệu USD

Điều chỉnh vốn

▲ 142,5%



52,1
Triệu USD

Góp vốn mua CP

▼ 15%



81,3
Triệu USD

Thu hồi vốn

ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

10 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước



TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG

Tháng 10, hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh vẫn được cung ứng dồi dào, giá cả hàng hóa ổn định phục vụ tốt nhu cầu của người dân. Tháng 10, các ngành dịch vụ duy trì tăng lên so với tháng trước, đồng thời tăng cao so với cùng tháng năm trước. Tính chung 10 tháng, duy trì mức tăng cao 9,8% so với CK, đáng chú ý là ngành du lịch lữ hành tăng đột biến tăng 176%.

**TỔNG MỨC BÁN
LẺ HÀNG HÓA
VÀ DỊCH VỤ**

83.526
Tỷ đồng **▲ 9,8%**



BÁN LẺ HÀNG HÓA

62.038
Tỷ đồng **▲ 7,2%**



DỊCH VỤ LƯU TRÚ, ĂN UỐNG

7.562
Tỷ đồng **▲ 3,8%**



DU LỊCH LỮ HÀNH

416
Tỷ đồng **▲ 176%**



DỊCH VỤ

13.510
Tỷ đồng **▲ 24,9%**

VẬN TẢI

(10 tháng so với cùng kỳ)

▲ 16,3%



962,7 Tỷ đồng

Vận tải hành khách

▲ 2,7%



3.510,2 Tỷ đồng

Vận tải hàng hóa

▲ 32,1%



10.817,7
Tỷ đồng

DOANH THU VẬN TẢI

▲ 1,9%



223,6 Tỷ đồng

Bưu chính chuyển phát

▲ 64,3%



6.121,2 Tỷ đồng

Kho bãi, DV HT vận tải

SẢN LƯỢNG VẬN TẢI

VẬN TẢI HÀNH KHÁCH

18,2 triệu lượt HK ▲ 10,2%



675,6 triệu lượt HK.km ▲ 12,4%

VẬN TẢI HÀNG HÓA

39,7 triệu tấn hàng hóa ▲ 2,6%



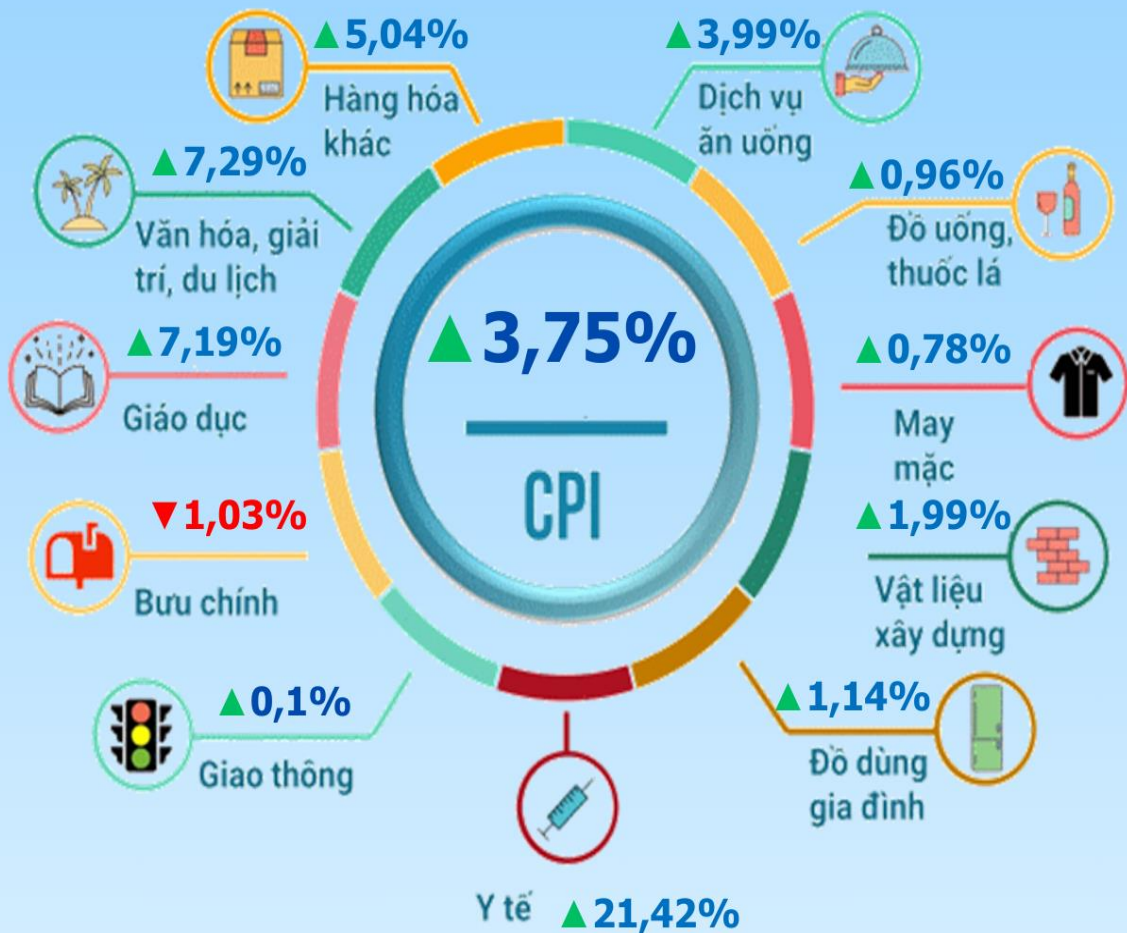
2.072 triệu tấn.km ▲ 0,9%



CHỈ SỐ GIÁ

Tháng 10, giá tiêu dùng duy trì ổn định với mức tăng nhẹ so với tháng trước, so với các gốc so sánh cùng tháng năm trước và tháng 10/2023 có mức tăng thấp hơn các tháng trước đó, nhờ đó CPI bình quân 10 tháng giảm xuống chỉ còn tăng 3.75% (9 tháng là 3,84%). Giá vàng tiếp tục xu hướng tăng cao, liên tục lập đỉnh mới. Giá đô la Mỹ cho thấy quan hệ giữa vàng và đô la Mỹ là tỷ lệ nghịch, do đó giá đô la Mỹ tăng nhưng không nhiều.

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG bình quân 10 tháng năm 2024 so với cùng kỳ



Chỉ số giá vàng

BQ 10 tháng năm 2024 so với 10 tháng năm 2023 ▲ **31,17%**

Chỉ số giá Đô la Mỹ

BQ 10 tháng năm 2024 so với 10 tháng năm 2023 ▲ **5,02%**



TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC



▲ 11,7%

12.506

Tỷ đồng

TỔNG CHI



▲ 12%

27.755

Tỷ đồng

TỔNG THU

Tổng thu NSNN lũy kế 10 tháng duy trì mức tăng cao 12% và đạt 88,9% kế hoạch dự toán năm 2024. Chi NSNN địa phương tăng thấp hơn thu NSNN với mức tăng 11,7%, trong chi NSNN địa phương, đáng chú ý là mục chi đầu tư phát triển vẫn giảm 5,8% điều này làm ảnh hưởng đến tăng trưởng vốn đầu tư công, tác động trực tiếp đến tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

NGÂN HÀNG - TÍN DỤNG

Thời điểm cuối tháng 10 năm 2024 so với cùng thời điểm năm trước



▼ 0,5%

218,5
Nghìn tỷ đồng

Nguồn vốn huy động



▲ 18,1%

186
Nghìn tỷ đồng

Tổng dư nợ tín dụng

▼ 0,2%



216,7
Nghìn tỷ đồng

**Tiền gửi & Nguồn
vốn huy động khác**

▼ 23,6%



1,8
Nghìn tỷ đồng

Phát hành giấy tờ có giá

▲ 22,2%



138,5
Nghìn tỷ đồng

Dư nợ ngắn hạn

▲ 7,4%



47,5
Nghìn tỷ đồng

Dư nợ trung và dài hạn

MỘT SỐ CHỈ TIÊU XÃ HỘI



Y TẾ

10 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước

1.843,9
Nghìn lượt **▲3,4%**



Khám chữa bệnh

191,7
Nghìn lượt **▲7,8%**



Điều trị nội trú

AN TOÀN GIAO THÔNG

**TAI NẠN
GIAO THÔNG** **324**
Vụ **▼21,5%**



152 Người chết
▼21,2%



201 Người bị
thương
▼28,2%

Cháy nổ **51**
Vụ **▲121,7%**



1
người



Người chết

2
người



Người bị thương

**Vi phạm
môi trường** **345**
Vụ **▼4,2%**



263 vụ
▼20,3%



Xử lý

6,1 tỷ đồng
▼2,7%



Nộp phạt